

# TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN QUÂN TỰ VỆ VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1986 - 2026)

ThS. Trần Hạ Long

TS. Nguyễn Ngọc Võ Khoa

**Tóm tắt:** Bài viết làm rõ nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và phát huy vai trò của dân quân tự vệ trong bảo vệ Tổ quốc; và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (1986 - 2026), thể hiện bước chuyển tư duy mang tính quy luật từ xây dựng lực lượng phục vụ chiến tranh sang kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện hòa bình, hội nhập, qua đó góp phần giải quyết hiệu quả mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng ở cơ sở. Bài viết khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

**Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh; dân quân tự vệ; Đảng Cộng sản Việt Nam; kết hợp kinh tế – quốc phòng. Nhận bài 02/04/2026; phản biện 01/05/26; biên tập 15/05/26; duyệt đăng 25/05/26.

## 1. Đặt vấn đề

Dân quân tự vệ (DQTV) là lực lượng vũ trang quần chúng rộng rãi, giữ vai trò quan trọng trong nền quốc phòng toàn dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hình thành hệ thống quan điểm toàn diện về vị trí, vai trò, tổ chức và xây dựng lực lượng DQTV. Đây là một bộ phận quan trọng của lực lượng vũ trang nhân dân và là nền tảng của chiến tranh nhân dân. Những quan điểm đó thể hiện tầm nhìn chiến lược về xây dựng sức mạnh quốc phòng từ nhân dân, khẳng định vai trò to lớn của lực lượng DQTV trong bảo vệ chính quyền cách mạng và giữ vững an ninh, trật tự ở cơ sở.

Trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng lực lượng DQTV, không ngừng hoàn thiện chủ trương, đường lối và hệ thống chính

sách, pháp luật nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng này. Qua đó khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về DQTV vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống gia tăng ngày nay.

## 2. Nội dung

### 2.1. Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về dân quân tự vệ

*Một là, về vị trí, vai trò của dân quân tự vệ*

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, DQTV giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống quan điểm của Người về chiến tranh nhân dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Trong nhiều trường hợp, Người sử dụng khái niệm “du kích” để chỉ lực lượng này, phản ánh đặc

\* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM.

\*\* Trường Đại học Tài chính – Marketing; Mail: nvnkhoa@ufm.edu.vn.

trung chiến đấu linh hoạt, gắn bó chặt chẽ với quần chúng và địa bàn cơ sở. Hồ Chí Minh xác định DQTV là bộ phận không thể tách rời của lực lượng vũ trang nhân dân ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích). Đồng thời là lực lượng đông đảo và rộng khắp nhất, giữ vai trò nền tảng trong toàn bộ hệ thống lực lượng vũ trang nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, DQTV là lực lượng vũ trang mang tính quần chúng sâu rộng, quy tụ sức mạnh của các tầng lớp nhân dân không phân biệt tuổi tác, giới tính, dân tộc, tôn giáo hay giai cấp. Chính đặc điểm này tạo nên sức mạnh to lớn của DQTV trong thế trận chiến tranh nhân dân. Vai trò chiến lược của lực lượng này được Người ví như: “những tấm lưới sắt rộng rãi và chắc chắn, chằng khắp mọi nơi, địch mò đến đâu là mắc lưới đến đó” [8, t.5, tr.37]. Người khẳng định: “Dân quân, tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận địch nhân hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã” [8, t.12, tr.158]. Những luận điểm này cho thấy Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của DQTV như một lực lượng nòng cốt trong việc phát huy sức mạnh toàn dân tham gia sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Ở phạm vi cơ sở, DQTV được Hồ Chí Minh xác định là lực lượng trực tiếp tham gia bảo vệ địa phương, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Tạo tiền đề để nhân dân “an cư lạc nghiệp, tăng gia sản xuất”. Trong chiến đấu, DQTV thực hiện phương thức tác chiến du kích độc đáo như phục kích, đánh tía, quấy rối, làm tiêu hao sinh lực địch cả về vật chất lẫn tinh thần, ... Đặc biệt, Người đề ra phương châm “vừa sản xuất vừa chiến đấu”, yêu cầu DQTV phải kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ phát triển kinh tế, thực hiện tinh thần “tay cày tay súng”, góp phần xây dựng hậu phương vững mạnh chi viện cho tiền tuyến. Hồ Chí Minh nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết giữa DQTV với nhân dân. Nguyên tắc sống còn của DQTV là phải “bám sát lấy

dân, rời dân ra nhất định thất bại” [8, t.7, tr. 448]. Khi được nhân dân tin yêu và che chở, DQTV sẽ trở thành lực lượng vô địch tại chỗ, làm thất bại âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt” của kẻ thù. Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, DQTV là biểu tượng cho sức mạnh quật cường của toàn dân tộc. DQTV giữ vai trò nền tảng trong hệ thống lực lượng vũ trang nhân dân, đồng thời là nhân tố quan trọng góp phần quyết định thắng lợi của cuộc chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

*Hai là, về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ*

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng lực lượng DQTV là vấn đề có ý nghĩa quan trọng. Người cho rằng lực lượng này phải được hình thành từ nền tảng quần chúng nhân dân rộng rãi, gắn liền với đời sống kinh tế - xã hội. Qua đó phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

*Trước hết, về tổ chức và biên chế,* Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng lực lượng DQTV rộng khắp ở các địa phương, cơ quan và cơ sở sản xuất. Đồng thời bảo đảm sự tổ chức chặt chẽ và thống nhất trong chỉ huy. Người chỉ dẫn cụ thể việc tổ chức lực lượng theo các cấp bậc từ tiểu tổ, tiểu đội, trung đội đến đại đội và chi đội. Người đặc biệt nhấn mạnh việc lấy làng xã làm đơn vị cơ bản nhất để xây dựng lực lượng vũ trang tại chỗ: “Thiết thực tổ chức và thiết thực huấn luyện dân quân du kích từng làng. Lấy dân quân du kích làng làm nền tảng” [8, t.5, tr.509]. Việc xây dựng này phải dựa trên các đoàn thể quần chúng như Nông hội, Công đoàn, Thanh niên để đảm bảo tính nhân dân sâu sắc.

*Thứ hai, về lãnh đạo và huấn luyện,* Người khẳng định xây dựng DQTV không chỉ là phát triển quân số mà phải coi trọng chất lượng chính trị và kỹ thuật. Lực lượng này phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, mỗi cấp đơn vị cần có “chính trị phái viên” để đảm bảo định hướng cách mạng. Nội dung huấn luyện phải toàn diện, bao gồm cả giáo dục tư tưởng để nâng cao lòng yêu nước và huấn luyện quân sự để thành thạo các kỹ năng tác chiến du kích như phục kích, phá hoại giao thông, dùng vũ

khí thô sơ đánh địch. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "...ngoài bộ đội và công an, thì dân quân là một lực lượng mạnh mẽ của địa phương. Cho nên cần phải tổ chức tốt và huấn luyện tốt dân quân" [8, t.12, tr.492].

*Thứ ba*, về thành phần lực lượng, quan điểm của Người là huy động sức mạnh của toàn dân, không phân biệt già trẻ, trai gái. Người khuyến khích xây dựng các đội du kích đặc thù như "lão dân quân" (Bạch đầu quân) để phát huy kinh nghiệm của người già và các đơn vị dân quân gái để huy động sức mạnh của phụ nữ nông thôn. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng, Người lưu ý cần lựa chọn những người "nhanh nhẹn, dũng cảm" và ưu tiên những người có kinh nghiệm quân sự làm nòng cốt.

Tóm lại, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng DQTV là quá trình tổ chức một lực lượng vũ trang quần chúng rộng khắp, được xây dựng "từ nhân dân mà ra", có tổ chức chặt chẽ và giác ngộ chính trị cao. Quan điểm đó góp phần hình thành thể trận quốc phòng vững chắc từ cơ sở, biến mỗi địa phương, mỗi làng xã thành một pháo đài bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, đây cũng là nền tảng lý luận quan trọng để Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng và phát triển trong quá trình xây dựng lực lượng DQTV qua các giai đoạn cách mạng, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới.

## **2.2. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong thời kỳ đổi mới (1986 - 2026)**

Trên cơ sở kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về DQTV, trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng bước lãnh đạo xây dựng và phát triển lực lượng DQTV phù hợp với yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đổi mới. Quá trình đó được thể hiện rõ qua các chủ trương của Đảng qua 03 giai đoạn sau:

*Giai đoạn 1986 - 2000: Bước đầu đổi mới tư duy và củng cố lực lượng dân quân tự vệ*

Từ Đại hội VI (1986), công cuộc đổi mới ở Việt Nam được triển khai trong bối cảnh hệ

thống xã hội chủ nghĩa thế giới có những biến động sâu sắc, đặc biệt là sự tan rã của mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. Trong điều kiện lịch sử đó, yêu cầu đổi mới tư duy về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đặt ra như một tất yếu khách quan. Trên cơ sở đó, quan điểm xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân tiếp tục được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định như một nguyên tắc có tính quy luật, thể hiện sự kết hợp giữa bảo vệ và phát triển trong điều kiện mới.

Trong hệ thống lực lượng vũ trang nhân dân, DQTV được xác định là lực lượng vũ trang quần chúng rộng khắp, gắn bó trực tiếp với cơ sở, vừa tham gia bảo vệ địa bàn, vừa góp phần củng cố thể trận quốc phòng toàn dân. Lực lượng này không tồn tại tách rời đời sống kinh tế - xã hội mà vận động trong chính quá trình lao động sản xuất, qua đó thể hiện sự chuyển hóa lẫn nhau giữa sức mạnh kinh tế và sức mạnh quốc phòng. Đồng thời, mối quan hệ giữa "quốc phòng" và "an ninh" cũng được thể hiện như một chỉnh thể biện chứng, trong đó mỗi yếu tố vừa có tính độc lập tương đối, vừa tác động qua lại, bổ sung và quy định lẫn nhau trong việc bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Quan điểm này được thể chế hóa trong Văn kiện Đại hội VI của Đảng khi nhấn mạnh nhiệm vụ "kết hợp chặt chẽ kinh tế, quốc phòng và an ninh, đẩy mạnh công cuộc xây dựng nền quốc phòng và an ninh toàn dân, xây dựng hậu phương đất nước một cách toàn diện" [3, tr.37].

Trên cơ sở đó, hệ thống pháp luật từng bước được hoàn thiện nhằm tạo nền tảng pháp lý cho tổ chức và hoạt động của lực lượng DQTV, tiêu biểu là *Pháp lệnh Dân quân tự vệ* năm 1996. Văn bản này không chỉ xác lập vị trí, chức năng của lực lượng trong hệ thống vũ trang nhân dân, mà còn góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và trách nhiệm của các chủ thể liên quan trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ" [11, tr. 1].

Trong thực tiễn, dân quân tự vệ được tổ chức rộng khắp ở các địa phương, cơ quan và cơ sở sản xuất, trở thành lực lượng vừa tham

gia phát triển kinh tế, vừa thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh tại chỗ. Tuy nhiên, xét trong tính hiện thực cụ thể, quá trình triển khai vẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Ở một số địa bàn, nhận thức của cấp ủy và chính quyền về vai trò chiến lược của lực lượng này chưa đầy đủ; sự gắn kết giữa xây dựng lực lượng với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện chưa thực sự đồng bộ [1, tr.1]. Những hạn chế này phản ánh mâu thuẫn giữa yêu cầu khách quan của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới với khả năng tổ chức thực tiễn ở một số cấp, một số lĩnh vực.

Nhìn chung, trong giai đoạn 1986 - 2000, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng DQTV từng bước được củng cố và phát triển, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội và tạo nền tảng cho quá trình hoàn thiện lực lượng này trong các giai đoạn tiếp theo.

*Giai đoạn 2001 - 2010: Hoàn thiện chủ trương và từng bước thể chế hóa xây dựng lực lượng dân quân tự vệ*

Bước sang thế kỷ XXI, tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động phức tạp, đặt ra những yêu cầu mới đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định và phát triển quan điểm về nền quốc phòng toàn dân như một tất yếu khách quan của phương thức tổ chức quyền lực xã hội trong điều kiện mới. Trong đó, lực lượng DQTV giữ vị trí quan trọng, là hình thái biểu hiện điển hình của sự kết tinh giữa sức mạnh chính trị - xã hội với sức mạnh quân sự.

Văn kiện Đại hội IX nhấn mạnh sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, “sức mạnh của lực lượng và thể trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thể trận an ninh nhân dân” [4, tr. 40]. Điều đó phản ánh một quy luật biện chứng: trong điều kiện phát triển mới, bảo vệ Tổ quốc không chỉ dựa vào lực lượng chuyên nghiệp, mà phải dựa vào toàn bộ kết cấu xã hội – nơi các yếu tố quân sự, chính trị, kinh tế và văn hóa tác động qua lại và chuyển hóa lẫn

nhau. Sự ra đời của Luật Dân quân tự vệ năm 2009, chính là kết quả của quá trình tích lũy và tổng kết thực tiễn lâu dài trong xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng. Đây là biểu hiện của sự chuyển hóa từ nhận thức lý luận sang hình thức pháp lý – một bước phát triển về chất trong quá trình tổ chức lực lượng xã hội phục vụ mục tiêu bảo vệ Tổ quốc. Luật đã xác định rõ bản chất của lực lượng này là “lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác, là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân” [9, tr.1]. Qua đó làm nổi bật mối quan hệ biện chứng giữa “vũ trang” và “sản xuất”. Chính sự thống nhất trong đó hoạt động quân sự được gắn kết vào đời sống sản xuất - xã hội, tạo nên một phương thức tổ chức lực lượng đặc thù của cách mạng Việt Nam.

Cùng với việc hoàn thiện cơ sở pháp lý, Đảng và Nhà nước chú trọng gắn việc xây dựng lực lượng DQTV với nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ địa phương. Trong đó DQTV trở thành lực lượng nòng cốt tham gia xây dựng và bảo vệ khu vực phòng thủ, góp phần quan trọng vào việc củng cố tiềm lực quốc phòng và nâng cao khả năng phòng thủ của địa phương. Điều này cũng được thể chế hóa trong Luật DQTV năm 2009, khi quy định lực lượng này có nhiệm vụ “phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ” [9, tr.3].

Trong thực tiễn triển khai, lực lượng DQTV không chỉ thực hiện chức năng quốc phòng, mà còn tham gia trực tiếp vào các hoạt động xã hội như phòng, chống thiên tai, bảo vệ trật tự an toàn xã hội, vận động quần chúng ở cơ sở. Bên cạnh đó, quá trình xây dựng lực lượng này vẫn bộc lộ những hạn chế. Một mặt, yêu cầu khách quan đòi hỏi phải nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp và khả năng xử lý tình huống; mặt khác, tính chất quần chúng rộng rãi lại đặt ra giới hạn nhất định về trình độ tổ chức và năng lực thực tiễn. Kết luận số 41-KL/TW đã chỉ ra rằng: “Nhận thức về vai trò, vị trí chiến lược và xây dựng lực lượng dân

quân tự vệ, dự bị động viên của một số cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị ở cả Trung ương và địa phương còn hạn chế” [2, tr.1]. Đây chính là biểu hiện của mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển và điều kiện hiện thực, giữa tính tất yếu của nâng cao chất lượng với những ràng buộc của trình độ phát triển kinh tế - xã hội và năng lực quản lý ở cơ sở.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2001 - 2010, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, lực lượng DQTV đã có bước phát triển quan trọng cả về tổ chức và chất lượng hoạt động. Việc ban hành Luật DQTV năm 2009 cùng với các chủ trương về xây dựng khu vực phòng thủ đã tạo cơ sở quan trọng để tiếp tục xây dựng và phát triển lực lượng DQTV trong thời kỳ mới.

*Giai đoạn 2011 - 2026: Tiếp tục hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ*

Bước vào thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đặt ra nhiều yêu cầu mới trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp. Các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống ngày càng gia tăng, đặc biệt là tranh chấp chủ quyền biển đảo và an ninh mạng. Trước tình hình đó, yêu cầu tăng cường tiềm lực quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh gắn với thế trận an ninh nhân dân (trong đó lực lượng DQTV giữ vai trò quan trọng trong bảo vệ địa bàn cơ sở) là một tất yếu khách quan.

Trong giai đoạn này, các chủ trương được xác lập trong Văn kiện Đại hội XI, XII và XIII cho thấy sự vận động và phát triển của tư duy chiến lược về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Văn kiện Đại hội XI của Đảng xác định, đi đôi với việc xây dựng quân đội chính quy, cần xây dựng: “lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp” [5, tr.45]. Quan điểm này tiếp tục được khẳng định trong các văn kiện của Đảng ở các kỳ đại hội tiếp theo. Trong Văn kiện Đại hội XIII (năm 2021), Đảng nhấn mạnh yêu cầu: “Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, chất lượng ngày càng cao; xây dựng dân quân tự vệ

vững mạnh và rộng khắp, coi trọng lực lượng dân quân tự vệ biển và dân quân tự vệ ở các địa phương trọng điểm” [6, tr.277].

Cùng với việc hoàn thiện chủ trương, hệ thống pháp luật về DQTV tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện. Một dấu mốc quan trọng là việc ban hành Luật Dân quân tự vệ năm 2019, thay thế Luật DQTV năm 2009 và bổ sung nhiều quy định nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng trong tình hình mới. Luật xác định rõ: “Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác, được tổ chức ở địa phương gọi là dân quân, được tổ chức ở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức) gọi là tự vệ” [10, tr.1]. Điều này thể hiện rõ mối quan hệ biện chứng giữa hai phạm trù “vũ trang” và “sản xuất” trong tư tưởng Hồ Chí Minh được kế thừa và phát triển trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự thống nhất này tái cấu trúc theo hướng linh hoạt hơn, cho phép lực lượng DQTV vừa tham gia lao động sản xuất, vừa thực hiện chức năng bảo vệ địa bàn, qua đó bảo đảm tính bền vững của thế trận quốc phòng từ cơ sở.

Trên bình diện thực tiễn, Đảng và Nhà nước đã chú trọng huấn luyện và diễn tập giúp DQTV nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu. Thành tựu nổi bật là chúng ta đã “xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu; dân quân tự vệ an ninh cơ sở vững mạnh, rộng khắp... ứng phó ngày càng có hiệu quả hơn các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, nhất là nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh” [7, tr.53, 54]. DQTV hiện đóng vai trò nòng cốt xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân vững chắc tại cơ sở.

Nhìn tổng thể, giai đoạn 2011 - 2026 đánh dấu bước phát triển quan trọng của lực lượng DQTV cả về tổ chức, quy mô và chất lượng hoạt động. Việc ban hành Luật Dân quân tự vệ năm 2019 cùng với sự hoàn thiện tư duy chiến lược về quốc phòng toàn dân đã tạo nền tảng

pháp lý, chính trị vững chắc, bảo đảm cho việc tiếp tục xây dựng lực lượng này đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện lịch sử mới.

Tuy nhiên, trong thực tiễn hoạt động và tổ chức của lực lượng DQTV còn gặp nhiều hạn chế khi “cơ chế, chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh có mặt chưa hoàn thiện... công tác bảo đảm an ninh cơ sở còn sơ hở, còn để xảy ra vụ việc gây mất an ninh, trật tự; công tác đấu tranh, bảo đảm an toàn, an ninh mạng còn gặp nhiều khó khăn, thách thức” [7, tr.69]. Ở một số địa phương, việc quản lý lực lượng và chất lượng trang bị chưa đồng bộ. Bên cạnh đó Việc tổ chức lực lượng DQTV trong doanh nghiệp ngoài nhà nước và khu kinh tế trọng điểm còn nhiều khó khăn do thiếu cơ chế phù hợp và lực lượng lao động biến động.

Đại hội XIV (2026) mở ra “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, đặt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh đan xen giữa cơ hội và thách thức. Trong điều kiện đó, quốc phòng, an ninh nói chung và lực lượng dân quân tự vệ nói riêng không chỉ đối diện với nguy cơ truyền thống mà còn phải thích ứng với các thách thức phi truyền thống như an ninh mạng, kinh tế và xã hội. Điều này đặt ra yêu cầu khách quan phải tiếp tục đổi mới phương thức xây dựng lực lượng theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất và chiến đấu, nâng cao khả năng xử lý linh hoạt các tình huống từ cơ sở, qua đó củng cố

“thế trận lòng dân” và nền quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân.

### 3. Kết luận

Tư tưởng Hồ Chí Minh về DQTV là bộ phận quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Người về chiến tranh nhân dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Trên cơ sở vận dụng sáng tạo tư tưởng đó, Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đã từng bước hoàn thiện chủ trương, chính sách và cơ sở pháp lý nhằm xây dựng lực lượng DQTV phù hợp với yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới.

Từ năm 1986 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng DQTV không ngừng được củng cố và phát triển theo hướng vững mạnh, rộng khắp, từng bước nâng cao chất lượng chính trị, trình độ huấn luyện và khả năng sẵn sàng chiến đấu. Đồng thời, lực lượng này ngày càng phát huy vai trò trong bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở, tham gia phòng chống thiên tai, dịch bệnh và thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng – an ninh tại địa phương.

Những kết quả đó khẳng định giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh về DQTV và tính đúng đắn trong sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng lực lượng DQTV, góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân và bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

### ■ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002): *Chỉ thị số 16-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới của Ban Bí thư*, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009): *Kết luận số 41-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05/10/2002 của Ban Bí thư* (khóa IX), Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Hà Nội, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, t.5, t.7, t.12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2009): *Luật Dân quân tự vệ*, Hà Nội.
10. Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2019): *Luật Dân quân tự vệ*, Hà Nội.
11. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1996): *Pháp lệnh về dân quân tự vệ* (Số 45-L/CTN ngày 09/01/1996), Hà Nội.